

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG HAI VÀ 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

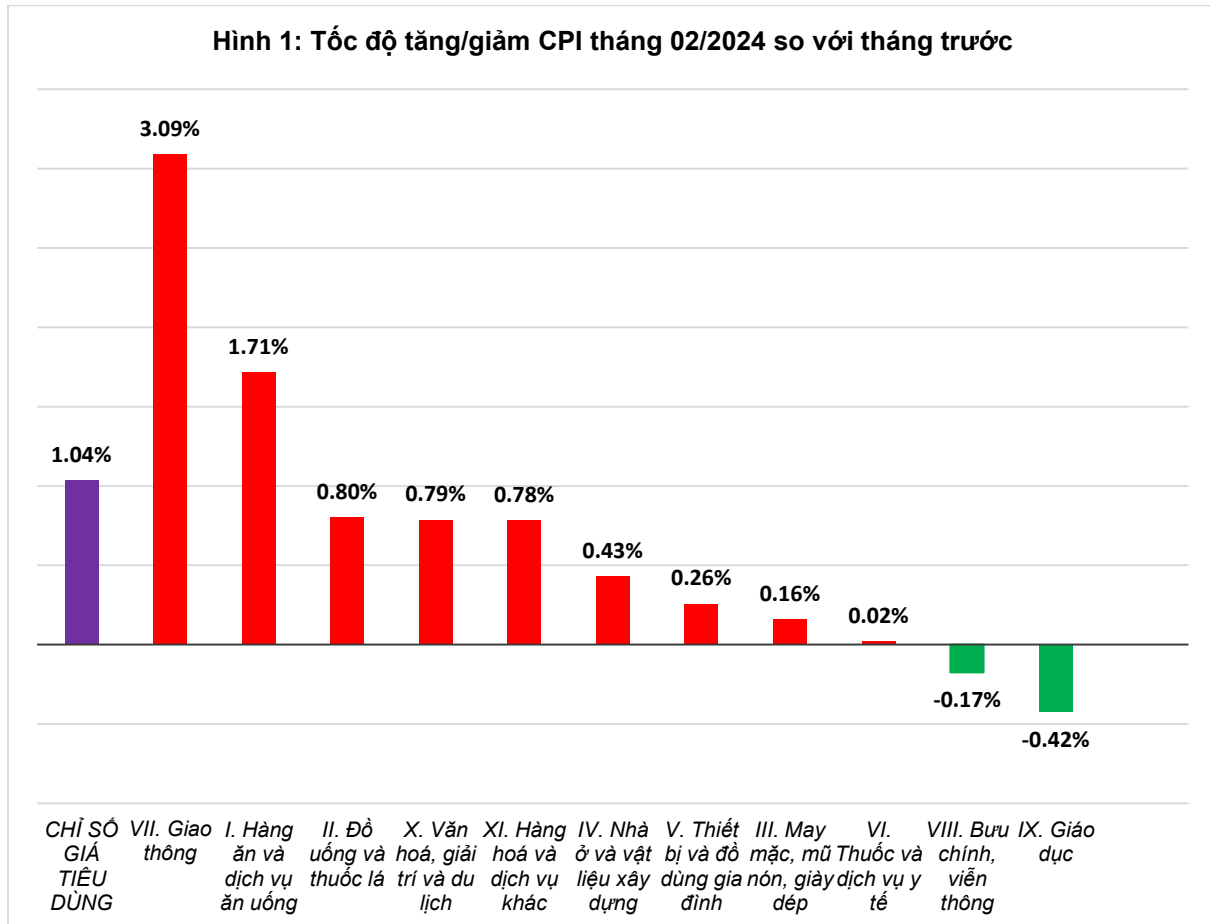
Tháng 02/2024 là tháng có Tết Nguyên đán Giáp Thìn nên nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ của người dân tăng cao; giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu; giá xăng dầu, giá gas tăng theo giá nhiên liệu thế giới là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2024 tăng 1,04% so với tháng trước; tăng 1,35% so với tháng 12/2023 và tăng 3,98% so với cùng kỳ năm 2023.

Bình quân 2 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,67% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,84%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 02/2024

So với tháng trước, CPI tháng 02/2024 tăng 1,04% (khu vực thành thị tăng 0,98%; khu vực nông thôn tăng 1,09%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 9 nhóm hàng tăng giá, 2 nhóm hàng giảm giá.

Hình 1: Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 02/2024 so với tháng trước



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 02/2024 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+1,71%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 02/2024 tăng 1,71% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,57 điểm phần trăm, trong đó lương thực tăng 1,75%, tác động tăng 0,06 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 1,98%, tác động tăng 0,42 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 1,04%, tác động tăng 0,09 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (+1,75%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 02/2024 tăng 1,75% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 2,21% (Gạo tẻ thường tăng 2,14%; gạo tẻ ngon tăng 2,35% và gạo nếp tăng 2,76%). Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu do nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh tại nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các thị trường truyền thống như Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a và Trung Quốc, trong khi nguồn cung gạo toàn cầu giảm do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng sâu rộng và Ấn Độ duy trì lệnh cấm xuất khẩu gạo. Bên cạnh đó, trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, nhu cầu tiêu dùng các loại gạo tẻ ngon và gạo nếp tăng cao.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 15.000-19.000 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.500-24.000 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.500-24.500 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.200-41.500 đồng/kg.

Giá gạo tăng và nhu cầu tiêu dùng cho Tết Nguyên đán tăng cao đã tác động đến chỉ số giá các mặt hàng lương thực khác như giá ngô tháng Hai tăng 1,92% so với tháng trước; bún, bánh phở, bánh đa tăng 1,45%; miến tăng 1,1%; bột mì tăng 0,93%; mì sợi, mì, phở, cháo ăn liền tăng 0,42%.

1.2. Thực phẩm (+1,98%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 02/2024 tăng 1,98% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng của người dân trong ngày Lễ ông Công, ông Táo và dịp Tết Nguyên đán tăng cao, tập trung chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Chỉ số giá thịt lợn trong tháng tăng 3,9%, tính đến ngày 25/02/2024, giá thịt lợn hơi cả nước dao động trong khoảng 54.000-58.000 đồng/kg. Theo đó, mỡ động vật tăng 2,82% so với tháng trước; nội tạng động vật tăng 2,22%; thịt quay, giò chả tăng 2,14%. Giá thịt bò tăng 1,66%. Giá thịt gia cầm tăng 1,96%, trong đó thịt gà tăng 2,23%, thịt gia cầm khác tăng 1,04%, thịt gia cầm đông lạnh tăng 3,54%. Giá trứng các loại tăng 1,11%.

- Chỉ số giá thủy sản tươi sống tăng 1,81% so với tháng trước, thủy sản chế biến tăng 1,33%.

- Chỉ số giá các loại đậu và hạt tăng 1,22%; rau tươi, khô và chế biến tăng 1,21%, trong đó giá khoai tây tăng 1,86%; su hào tăng 1,69%; đỗ quả tươi tăng 0,97%; bắp cải tăng 0,66%; rau gia vị tươi khô các loại tăng 0,34%; rau tươi khác

tăng 1,4% do các tỉnh phía Bắc mưa, rét kéo dài vào sát dịp Tết nên rau chậm phát triển, nhiều nơi bị hỏng do sương muối, mưa lạnh.

- Chỉ số giá quả tươi, chế biến tăng 5,69%, trong đó, quả có múi tăng 8,1%, chuối tăng 6,65%, xoài tăng 5,36%, quả tươi khác tăng 5,08%.

- Chỉ số giá đồ gia vị tăng 0,56%; đường tăng 0,88%; sữa, bơ, pho mát tăng 0,32%; bánh mứt, kẹo tăng 0,74% và chè, cà phê, ca cao tăng 0,69%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+1,04%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 02/2024 tăng 1,04% so với tháng trước, chủ yếu do giá nguyên liệu chế biến ở mức cao, điện và chi phí nhân công tăng, trong đó giá ăn ngoài gia đình tăng 1,13%; uống ngoài gia đình tăng 1,01%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,51%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,8%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 02/2024 tăng 0,8% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng và sử dụng làm quà biếu tặng tăng vào dịp Tết Nguyên đán khiến giá rượu bia tăng 1,17%; thuốc hút tăng 0,56%; đồ uống không cồn tăng 0,33%.

3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,16%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 02/2024 tăng 0,16% so với tháng trước do chi phí nhân công, chi phí vật liệu, nhu cầu mua sắm quần áo dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn tăng. Trong đó, dịch vụ giày dép tăng 1,46% so với tháng trước; dịch vụ may mặc tăng 0,61%; giày dép tăng 0,33%; may mặc khác tăng 0,31%; vải các loại tăng 0,25%; mũ nón tăng 0,19%; quần áo may sẵn tăng 0,05%.

4. Nhà ở và vật liệu xây dựng (+0,43%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 02/2024 tăng 0,43% so với tháng trước tác động làm tăng CPI chung 0,08 điểm phần trăm, trong đó một số mặt hàng tăng giá:

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,48% và giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,71%, chủ yếu do giá cát tăng khi thiếu nguồn cung, giá thép tăng do giá phôi thép, thép thành phẩm tăng.

- Giá điện sinh hoạt tháng Hai tăng 0,78% so với tháng trước, nước sinh hoạt tăng 1,73%¹ do nhu cầu tiêu dùng tăng.

- Giá gas tăng 1,1% so với tháng trước do từ ngày 01/02/2024, giá gas trong nước điều chỉnh tăng 5.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới tăng 10 USD/tấn (từ mức 625 USD/tấn lên mức 635 USD/tấn).

- Giá dầu hỏa tháng 02/2024 tăng 2,7% so với tháng 01/2024 do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

¹ Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 02/2024 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 01/2024.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,26%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 02/2024 tăng 0,26% so với tháng trước, làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm. Giá một số mặt hàng tăng do nhu cầu sử dụng tăng như: Giá hàng thủy tinh, sành sứ và bình nước nóng nhà tắm cùng tăng 0,56%; giường, tủ, bàn, ghế tăng 0,28%; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,26%; đèn điện thấp sáng tăng 0,24%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,23%; dịch vụ sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 0,22%; máy hút bụi tăng 0,09%; trang thiết bị nhà bếp tăng 0,06%.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,02%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 02/2024 tăng nhẹ 0,02% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá thuốc các loại tăng 0,11%; giá dịch vụ khám chữa bệnh không biến động so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do một số mặt hàng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, thuốc dùng cho đường hô hấp tăng giá khi thời tiết chuyển mùa nồm ẩm tại một số địa phương miền Bắc.

7. Giao thông (+3,09%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 02/2024 tăng 3,09% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,3 điểm phần trăm, trong đó:

- Chỉ số giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 15,48% do nhu cầu đi lại tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán, trong đó giá vận tải hành khách bằng đường sắt tăng 151,75%; giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 39,07%; vận tải hành khách kết hợp tăng 7,29%; vận tải hành khách bằng đường bộ tăng 5,7%.

- Chỉ số giá xăng tăng 5,82% so với tháng trước, chỉ số giá dầu diezen tăng 5,51% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước.

- Dịch vụ rửa xe, bơm xe tăng 2,47% do chi phí nhân công và nhu cầu tăng trong dịp cuối năm; dịch vụ trông giữ xe tăng 1,86%; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,52%.

- Giá lốp, săm xe máy tăng 0,21%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,15%.

8. Bưu chính, viễn thông (-0,17%)

Nhóm bưu chính, viễn thông tháng 02/2024 giảm 0,17% so với tháng trước, làm CPI chung giảm 0,01 điểm phần trăm. Nguyên nhân chủ yếu do các doanh nghiệp thực hiện chương trình khuyến mại giảm giá đối với một số loại điện thoại di động mẫu mã cũ.

9. Giáo dục (-0,42%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 02/2024 giảm 0,42% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ giáo dục giảm 0,48%². Nguyên nhân chủ yếu do ngày 31/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

² Các địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 02/2024 giảm so với tháng trước: Lâm Đồng giảm 22,94%; Hậu Giang giảm 5,22%.

81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, trong đó yêu cầu giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, theo đó, một số địa phương đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,79%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng Hai tăng 0,79% so với tháng trước do nhu cầu mua sắm, du xuân dịp Tết Nguyên đán tăng, tác động làm CPI chung tăng 0,04 điểm phần trăm, tập trung chủ yếu ở những nhóm mặt hàng sau: Giá nhóm hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 4,19%; dịch vụ giải trí tăng 1,09% (trong đó, giá vé xem phim, ca nhạc tăng 15,41%); du lịch trọn gói tăng 1,67% (du lịch trong nước tăng 1,68%; du lịch ngoài nước tăng 1,63%); khách sạn, nhà khách tăng 0,99%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,78%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 02/2024 tăng 0,78% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,03 điểm phần trăm, chủ yếu tăng giá ở một số nhóm mặt hàng: Dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 2,88%; nhóm đồ trang sức tăng 2,61%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 1,92%. Vào mùa cưới hỏi nên giá các vật dụng, dịch vụ về cưới hỏi tăng 0,25%. Bên cạnh đó, nhu cầu đồ thờ cúng trong dịp Lễ, Tết tăng nên giá các mặt hàng này tăng 0,62% so với tháng trước.

12. Chỉ số giá vàng (+2,01%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/02/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.037,18 USD/ounce, tăng 1,11% so với tháng 01/2024 do kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ nới lỏng chính sách tiền tệ sau chiến dịch tăng lãi suất nhằm kiềm chế lạm phát. Ngoài ra, nhu cầu mua vàng tăng do căng thẳng địa chính trị kéo dài và kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại thúc đẩy các nhà đầu tư tìm đến vàng như một kênh trú ẩn an toàn. Trong nước, do nhu cầu mua vàng lấy may trong ngày Thần Tài tăng làm chỉ số giá vàng tháng 02/2024 tăng 2,01% so với tháng trước; tăng 4,61% so với tháng 12/2023; tăng 16,67% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 2 tháng đầu năm 2024, chỉ số giá vàng tăng 16,05%.

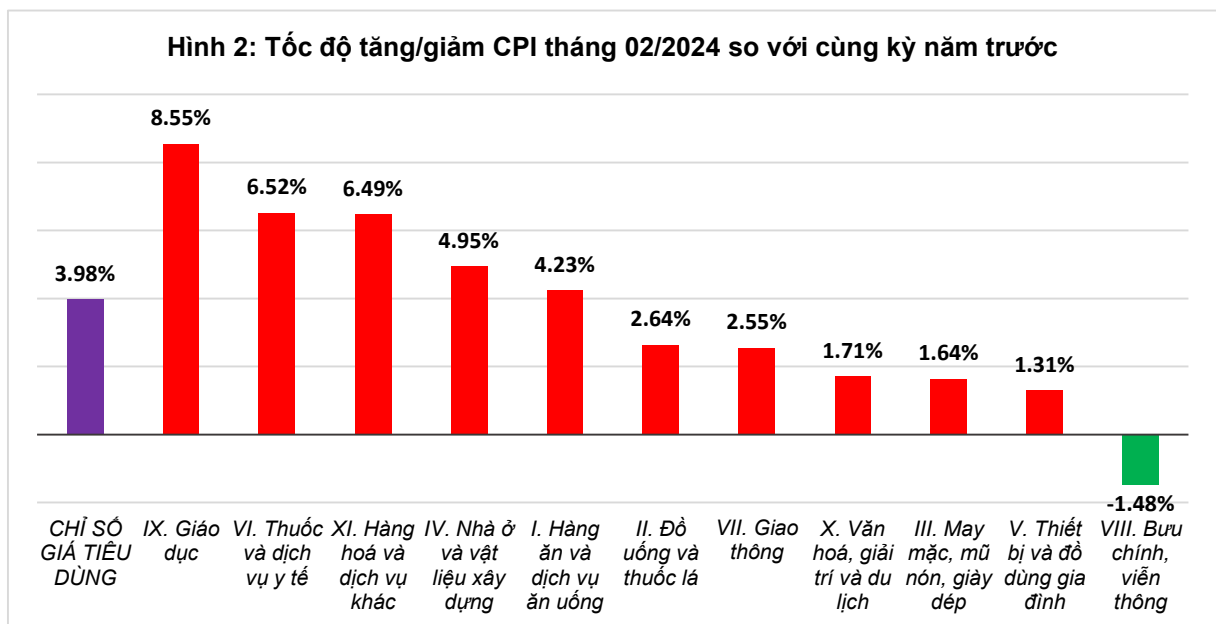
13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,4%)

Trên thế giới, giá đồng đô la Mỹ tăng sau khi số liệu lạm phát của Mỹ tháng 01/2024 được công bố cao hơn dự kiến, các nhà đầu tư dự báo FED sẽ giữ nguyên lãi suất trong tháng 3/2024. Tính đến ngày 25/02/2024, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 103,86 điểm, tăng 0,66% so với tháng trước. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.115 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 02/2024 tăng 0,4% so với tháng trước; tăng 0,92% so với tháng 12/2023; tăng 3,89% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 2 tháng đầu năm 2024 tăng 3,79%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Hai từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
CPI tháng 2 so với tháng trước	- 0,17	1,52	1,00	0,45	1,04
CPI tháng 2 so với cùng kỳ năm trước	5,40	0,70	1,42	4,31	3,98
CPI tháng 2 so với tháng 12 năm trước	1,06	1,58	1,20	0,97	1,35
CPI bình quân 2 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	5,91	- 0,14	1,68	4,60	3,67

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 02/2024 tăng 3,98%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá và 1 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 02/2024 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm giáo dục tăng cao nhất với 8,55% làm CPI chung tăng 0,53 điểm phần trăm, do trong năm học 2023-2024 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 6,52%, làm CPI chung tăng 0,35 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,49%, trong đó lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 12,59%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 8,99%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 5,31%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 3,1%.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 4,95%, làm CPI chung tăng 0,93 điểm phần trăm do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và giá nhà ở thuê tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,23%, tác động làm CPI chung tăng 1,42 điểm phần trăm, trong đó nhóm lương thực tăng 17,36%; ăn uống ngoài gia đình tăng 4,2%; thực phẩm tăng 2,14%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,64% làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 và giá nguyên liệu sản xuất đồ uống, chi phí vận chuyển tăng.

- Nhóm giao thông tăng 2,55% làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm, trong đó phụ tùng tăng 1,87%, bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 3,7%; xăng dầu tăng 0,66%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng Hai tăng 1,71% so với cùng kỳ năm trước; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,64%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,31%.

Riêng chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng 02/2024 giảm 1,48% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

So với tháng 12/2023, CPI tháng Hai tăng 1,35%, trong đó có 9 nhóm hàng tăng giá và 2 nhóm giảm giá.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm giao thông tháng 02/2024 tăng cao nhất với 3,51% so với tháng 12/2023, trong đó chỉ số giá xăng dầu tăng 6,65% do từ tháng 01/2024 đến nay, giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh đã làm cho giá xăng A95 tăng 1.400 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 1.290 đồng/lít; giá dầu diezen tăng 1.130 đồng/lít.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,93% do giá lương thực, thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,19% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng thế giới; các dịch vụ về cưới hỏi; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng vào dịp Tết.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,18% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong dịp Tết.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,04% chủ yếu do một số mặt hàng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, thuốc dùng cho đường hô hấp tăng giá khi thời tiết chuyển mùa nồm ẩm tại một số địa phương miền Bắc.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,99% chủ yếu do giá cát tăng khi thiếu nguồn cung, giá thép tăng do giá phôi thép, thép thành phẩm tăng, chỉ số giá gas tăng 2,81%; nước sinh hoạt tăng 2,19%; điện sinh hoạt tăng 2,09%; dầu hỏa tăng 1,42%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 1,16%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,9% do nhu cầu mua sắm và du xuân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 tăng.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,4% do giá một số mặt hàng tăng do nhu cầu sử dụng tăng vào dịp Tết.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,38%, trong đó dịch vụ giày dép tăng 2,4%; dịch vụ may mặc tăng 1,04%, may mặc khác tăng 0,56%; giày dép tăng 0,47%.

Ở chiều ngược lại, có 2 nhóm hàng giảm giá:

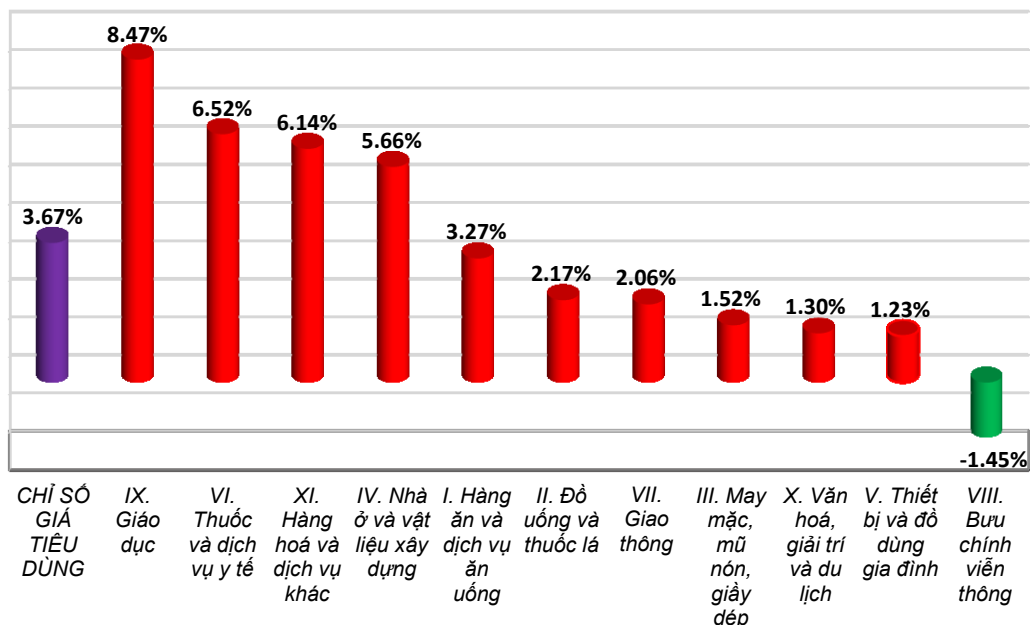
- Nhóm giáo dục giảm 0,55% so với tháng 12/2023 do thực hiện Nghị quyết số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, một số địa phương đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,22% do một số mặt hàng điện thoại thông minh mẫu cũ giảm giá.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 2 tháng đầu năm 2024 tăng 3,67% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 3: Tốc độ tăng/giảm CPI 2 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



1. Các yếu tố làm tăng CPI trong 2 tháng đầu năm 2024

- Chỉ số giá nhóm gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon trong dịp Lễ ông Công, ông Táo và Tết Nguyên đán tăng cao làm cho giá gạo 2 tháng đầu năm 2024 tăng 21,6% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,55 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 9,44% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với từ ngày 04/5/2023 và ngày 09/11/2023, EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, góp phần làm CPI chung tăng 0,31 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục 2 tháng đầu năm 2024 tăng 8,47% so với cùng kỳ năm trước, do trong năm học 2023-2024 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí, làm CPI chung tăng 0,52 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 6,52%, làm CPI chung tăng 0,35 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,66% do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào và giá nhà thuê tăng, làm CPI chung tăng 1,07 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 0,89%, làm CPI chung tăng 0,19 điểm phần trăm, trong đó chỉ số giá thịt gia cầm tươi sống tăng 2,37%; thịt lợn tăng 1,13%; theo đó giá thịt chế biến tăng 2,56%, mỡ ăn tăng 1,54%.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,3%, góp phần làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

2. Các yếu tố làm giảm CPI trong 2 tháng đầu năm 2024

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông bình quân 2 tháng đầu năm 2024 giảm 1,45% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thế hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đã được tung ra thị trường một thời gian.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 02/2024 tăng 0,49% so với tháng trước và tăng 2,96% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 2 tháng đầu năm, lạm phát cơ bản tăng 2,84% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,67%) chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu, giá dịch vụ y tế và giá dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Hai từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lạm phát cơ bản tháng 2 so với tháng trước	0,17	0,48	0,49	0,25	0,49
Lạm phát cơ bản tháng 2 so với cùng kỳ năm trước	2,94	0,79	0,68	4,96	2,96
Lạm phát cơ bản 2 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	3,10	0,64	0,67	5,08	2,84

TỔNG CỤC THỐNG KÊ